BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 89/2011/TT-BTC

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 2011

THÔNG TƯ
Hướng dẫn về phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu

Căn cứ Pháp lệnh giá số 40/2002/UBTVQH10 ngày 26/4/2002;

Căn cứ Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 75/2008/NĐ-CP ngày 09/6/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 170/2003/NĐ-CP ngày 25/12/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Giá;

Căn cứ Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo;

Căn cứ Nghị định số 118/2008/NĐ-CP ngày 27/11/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Bộ Tài chính hướng dẫn về phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu như sau:

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn về phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu làm căn cứ để Hiệp hội Lương thực Việt Nam xác định và công bố giá sàn gạo xuất khẩu trong từng thời kỳ; để Thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo có cơ sở ký kết hợp đồng và đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với Thương nhân theo quy định của Luật Thương mại có quyền kinh doanh xuất khẩu gạo theo quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo; các cơ quan, tổ chức có trách nhiệm trong quản lý, điều hành xuất khẩu gạo và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Nguyên tắc xác định giá sàn gạo xuất khẩu

1. Phù hợp với quan hệ cung cầu, diễn biến của giá thóc, gạo ở thị trường trong nước (giá thóc định hướng được công bố, mặt bằng giá mua thóc, gạo hàng hóa trong nước) và giá gạo theo từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo mà các Thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo giao dịch trên thị trường thế giới.

2. Bảo đảm tính đúng, tính đủ chi phí kinh doanh gạo xuất khẩu thực tế hợp lý, hợp lệ, bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo.

Điều 4. Giải thích từ ngữ

1. Chi phí kinh doanh gạo xuất khẩu thực tế hợp lý, hợp lệ là những chi phí cần thiết mà các Thương nhân đã chi ra để kinh doanh xuất khẩu gạo đạt các tiêu chuẩn phẩm cấp gạo nhất định tại một thời điểm, địa điểm nhất định, được xác định trên cơ sở các chế độ, chính sách, định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí do cơ quan có thẩm quyền ban hành theo quy định của pháp luật và phù hợp với mặt bằng giá thị trường.

2. Giá sàn gạo xuất khẩu là mức tiền VND và quy đổi ra đồng ngoại tệ (loại ngoại tệ được thỏa thuận sử dụng làm đồng tiền thanh toán quốc tế) theo tỷ giá của Ngân hàng thương mại mà các Thương nhân giao dịch tại thời điểm tính giá để công bố giá sàn gạo xuất khẩu của một tấn gạo lọt lòng tầu tại cảng xuất khẩu Việt Nam, gắn với từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo được tính theo nguyên tắc, căn cứ và phương pháp quy định tại Thông tư này.

3. Giá vốn gạo xuất khẩu là toàn bộ các chi phí thực tế hợp lý, hợp lệ các Thương nhân đã chi ra để kinh doanh gạo xuất khẩu từ khâu thu mua nguyên liệu đến khi hoàn thành gạo thành phẩm lọt lòng tầu trước khi đưa gạo đi bán, được tính bằng VND và quy đổi ra đồng ngoại tệ theo tỷ giá niêm yết của Ngân hàng thương mại mà các Thương nhân giao dịch để kinh doanh gạo xuất khẩu.

4. Giá thóc định hướng là mức giá mua thóc của các Thương nhân do cơ quan có thẩm quyền xác định, công bố và hướng dẫn thực hiện theo quy định của pháp luật.

5. Giá gạo trên thị trường thế giới được xác định tại Thông tư này là giá gạo xuất khẩu của các nước có số lượng xuất khẩu lớn do Hiệp hội Lương thực Việt Nam xác định.

6. Phương pháp chi phí là phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu căn cứ vào giá vốn gạo xuất khẩu bình quân theo từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo và mức lợi nhuận dự kiến bình quân của các Thương nhân xuất khẩu gạo.

7. Phương pháp khấu trừ là phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu căn cứ vào giá gạo theo từng tiêu chuẩn, phẩm cấp gạo được các thương nhân Việt Nam giao dịch trên thị trường các nước nhập khẩu gạo với số lượng lớn trên thế giới do Hiệp hội Lương thực Việt Nam xác định chiết trừ toàn bộ chi phí trung bình mà các Thương nhân thực hiện đưa hàng từ cảng xuất khẩu đến bán cho khách hàng mua gạo tại cảng nhập khẩu và hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu sản phẩm của Thương nhân xuất khẩu cho khách hàng nhập khẩu (bao gồm chi phí xếp dỡ và vận tải quốc tế, chi phí bảo hiểm vận tải, bảo hiểm hàng hóa như: phí bến cảng, phí thuế hải quan, kiểm tra chất lượng, các chi phí khác).

Chương II
PHƯƠNG PHÁP TÍNH GIÁ SÀN GẠO XUẤT KHẨU

Mục I
PHƯƠNG PHÁP CHI PHÍ

Điều 5. Căn cứ tính giá

1. Căn cứ vào giá vốn gạo xuất khẩu bình quân của tất cả các tiêu chuẩn, phẩm cấp gạo của các Thương nhân xuất khẩu gạo.

2. Mức lợi nhuận bình quân dự kiến của ngành kinh doanh xuất khẩu gạo.

3. Chính sách xuất khẩu gạo và các chính sách liên quan đến xuất khẩu gạo của Nhà nước trong từng thời kỳ.

Điều 6. Phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo

1. Giá sàn gạo xuất khẩu bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo được xác định theo công thức sau:

Giá sàn gạo xuất khẩu bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo (VNĐ, USD/tấn) = Giá vốn gạo xuất khẩu bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo (VNĐ, USD/tấn) + Lợi nhuận dự kiến + Các loại thuế phải nộp theo quy định của pháp luật

2. Xác định giá vốn gạo xuất khẩu bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo

a) Giá vốn gạo xuất khẩu bình quân theo từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo làm cơ sở để tính giá sàn gạo xuất khẩu được xác định theo các yếu tố chi phí như sau:

- Nếu giá vốn gạo xuất khẩu tính từ phương thức mua thóc để xay xát chế biến gạo xuất khẩu xác định theo Bảng dưới đây:

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU
A	**Chi phí sản xuất, chế biến gạo nguyên liệu xuất khẩu**	C_{NL}
1	Chi phí nguyên liệu	
2	Chi phí xay xát thóc thành gạo	
3	Chi phí sản xuất chung	
A_1	Tổng chi phí sản xuất, chế biến (1) + (2) + (3)	TC
4	Tổng lượng gạo nguyên liệu xô thu hồi	Q_1
5	Giá trị sản phẩm phụ thu hồi được	G_{p1}

STT	NỘI DUNG CHI PHÍ	KÝ HIỆU
A_2	Giá thành gạo nguyên liệu xô = $(TC - G_{p1})/Q_1$	Z_{NL}
B	**Chi phí làm hàng xuất khẩu**	$\mathbf{C_{XK1}}$
1	Chi phí phân loại gạo	C_p
2	Chi phí lau bóng gạo, bao bì, lưu kho	C_L
3	Tổng lượng gạo thành phẩm thu hồi	Q_2
4	Giá trị sản phẩm phụ thu hồi được	G_{p2}
B_1	Giá thành gạo xuất khẩu tại kho, bảo quản = $(Z_{NL} + C_p + C_L - G_{p2})/Q_2$	Z_{XK}
C	**Chi phí xuất khẩu (1) + (2) + (3) + (4) + (5) + (6)**	$\mathbf{C_{XK2}}$
1	Chi phí vận chuyển, bốc xếp	
2	Chi phí đứng tàu	
3	Chi phí bán hàng	
4	Chi phí tài chính (trả lãi vay nếu có)	
5	Chi phí kiểm định hàng xuất khẩu	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	
D	**Giá vốn gạo xuất khẩu lọt lòng tàu bình quân**	$\mathbf{Z_{XK} + C_{XK2}}$

- Nếu Giá vốn gạo xuất khẩu tính từ phương thức mua gạo nguyên liệu xô để chế biến hàng xuất khẩu thì giá vốn gạo xuất khẩu cũng xác định các yếu tố chi phí theo bảng trên nhưng loại trừ các khoản chi phí ở mục A; chỉ tính chi phí ở mục B, C và cộng thêm chi phí mua gạo tại kho.

- Nếu Giá vốn xuất khẩu gạo tính từ phương thức mua gạo đạt tiêu chuẩn xuất khẩu của các đơn vị cung ứng gạo xuất khẩu thì giá vốn xuất khẩu gạo chỉ được tính giá mua gạo xuất khẩu và các khoản chi phí nêu ở mục C bảng trên.

b) Nội dung một số khoản chi phí cơ bản được xác định như sau:

b1. Chi phí nguyên liệu là chi phí mua thóc (hoặc gạo) bao gồm: giá mua thóc (hoặc gạo nguyên liệu) đáp ứng được tiêu chuẩn xuất khẩu phù hợp với mặt bằng giá thóc, gạo trong nước tại thời điểm mua xuất khẩu và chi phí phục vụ mua hàng xuất khẩu; cụ thể:

- Giá mua do thương nhân xuất khẩu gạo quy định phù hợp với giá thóc định hướng do cơ quan có thẩm quyền công bố và hướng dẫn thực hiện, phù hợp với giá thị trường trong khu vực.

- Chi phí phục vụ mua hàng xuất khẩu, gồm: chi phí giao nhận, cân đong, thanh quyết toán, chi phí phục vụ mua hàng xuất khẩu khác (nếu có).

Những loại chi phí này nếu có quy định của Nhà nước về chính sách, chế độ chi, mức độ chi, định mức kinh tế kỹ thuật thì tính theo quy định của Nhà nước. Đối với, các loại chi phí chưa có quy định của Nhà nước thì áp dụng theo định mức, chế độ chi tiêu do Hiệp hội (nếu có), Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) doanh nghiệp ban hành và chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của các quyết định đó.

Đối với chi phí tiền lương chi ra cho quá trình kinh doanh gạo xuất khẩu tính theo định mức lao động và theo nguyên tắc nêu trên nhân (x) với đơn giá tiền lương hoặc tiền công. Đơn giá tiền lương được tính căn cứ vào tiền lương cơ bản do Nhà nước quy định; các khoản: lương, phụ cấp lương, các khoản đóng góp theo lương (bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn và bảo hiểm thất nghiệp) và các chế độ khác cho người lao động theo quy định của Bộ Luật Lao động, pháp luật về tiền lương và pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp. Phương pháp xây dựng, thẩm quyền phê duyệt và đăng ký đơn giá tiền lương thực hiện theo quy định hiện hành đối với các doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh.

b2. Chi phí xay xát thóc thành gạo:

- Nếu thương nhân tự tổ chức xay xát thì tính đầy đủ các chi phí chi ra phục vụ việc xay xát thóc ra gạo như chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí thu hồi sản phẩm chính, sản phẩm phụ, chi phí liên quan khác (nếu có). Nguyên tắc tính toán các khoản chi phí này như hướng dẫn tại Tiết b1, Điểm b, Khoản 2, Điều 6 Thông tư này.

- Nếu Thương nhân phải thuê các cơ sở xay xát khác xay xát, chế biến gạo cho mình thì tính theo giá thực tế thuê phù hợp với mặt bằng giá thị trường tại thời điểm thuê thể hiện trên hợp đồng kinh tế, biên bản thanh lý hợp đồng, các chứng từ hóa đơn theo quy định của pháp luật.

b3. Chi phí lau bóng gạo, chi phí phân loại gạo, chi phí vận chuyển, bốc xếp:

Nguyên tắc tính toán các khoản chi phí này như hướng dẫn đối với cách tính chi phí xay xát thóc thành gạo tại Tiết b2, Điểm b, Khoản 2, Điều 6 Thông tư này.

b4. Các khoản chi phí như: Chi phí sản xuất chung, chi phí tài chính, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí phân bổ để tính vào giá thành sản phẩm áp dụng theo các quy định tại các Khoản 3, Khoản 4, Khoản 5, Khoản 6, Khoản 7, Điều 10; các khoản chi không được tính vào chi phí hợp lý, hợp lệ để xác định giá thành sản phẩm, áp dụng theo quy định tại Điều 11 quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ ban hành kèm theo Thông tư số 154/2010/TT-BTC ngày 01/10/2010 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế tính giá tài sản, hàng hóa, dịch vụ.

b5. Giá trị sản phẩm phụ thu hồi được xác định bằng: tổng lượng sản phẩm phụ thu hồi được trong quá trình chế biến gạo xuất khẩu nhân (x) với giá bán sản phẩm phụ thu hồi theo mặt bằng giá thị trường.

3. Lợi nhuận dự kiến:

a) Nguyên tắc xác định lợi nhuận: Căn cứ quy định tại Điều 3 Thông tư này, các thương nhân dự kiến tỷ suất lợi nhuận hoặc mức lợi nhuận hợp lý, phù hợp với tỷ suất lợi nhuận bình quân ngành.

Mức lợi nhuận được tính bằng tỷ suất lợi nhuận (%) tính trên giá vốn gạo xuất khẩu.

b) Phương pháp xác định lợi nhuận:

Mức lợi nhuận dự kiến tối đa được xác định bằng tỷ suất lợi nhuận thực tế toàn ngành xuất khẩu gạo (đã được kiểm toán hoặc quyết toán được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt) bình quân một năm của ba năm trước liền kề với thời điểm tính giá.

Mục II
PHƯƠNG PHÁP KHẤU TRỪ

Điều 7. Căn cứ tính giá

1. Căn cứ vào giá gạo trên thị trường thế giới.

2. Căn cứ vào chi phí trung bình mà các Thương nhân thực hiện đưa gạo từ cảng xuất khẩu đến bán cho khách hàng mua gạo tại cảng nhập khẩu (CNF/CIF đến một cảng nhất định) và hoàn thành việc chuyển giao quyền sở hữu gạo của thương nhân xuất khẩu cho khách hàng nhập khẩu.

3. Căn cứ chính sách xuất khẩu gạo và các chính sách liên quan đến xuất khẩu gạo của Nhà nước từng thời kỳ.

Điều 8. Phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu bình quân của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo

1. Giá sàn gạo xuất khẩu bình quân theo từng tiêu chuẩn, phẩm cấp gạo được xác định theo công thức sau:

Giá sàn gạo xuất khẩu bình quân theo từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo (USD/tấn)	=	Giá gạo trên thị trường thế giới của từng tiêu chuẩn phẩm cấp gạo (USD/tấn)	-	Tổng chi phí thực hiện đưa sản phẩm từ cảng xuất khẩu đến cảng nhập khẩu (USD/tấn)

2. Xác định tổng chi phí thực hiện đưa sản phẩm từ cảng xuất khẩu đến cảng nhập khẩu, gồm những chi phí thực tế hợp lý, như sau:

- Chi phí vận tải quốc tế và xếp dỡ (nếu thỏa thuận bên bán chịu chi phí xếp dỡ);
- Phí, lệ phí bến cảng;
- Phí, lệ phí hải quan;
- Phí kiểm định sản phẩm;
- Các chi phí khác (nếu có).

Mục III
ĐIỀU KIỆN ÁP DỤNG CÁC PHƯƠNG PHÁP XÁC ĐỊNH GIÁ SÀN GẠO XUẤT KHẨU

Điều 9. Điều kiện áp dụng các phương pháp xác định giá sàn gạo xuất khẩu

1. Căn cứ vào chi phí kinh doanh xuất khẩu gạo và căn cứ vào giá thị trường thế giới, căn cứ điều kiện xuất khẩu theo giá FOB hoặc giá CNF/CIF, Thương nhân kinh doanh xuất khẩu gạo lựa chọn áp dụng một trong hai phương pháp xác định phù hợp quy định tại Mục I, Mục II, Chương II Thông tư này để xác định mức giá cụ thể bảo đảm thực hiện đúng các nguyên tắc xác định giá sàn gạo xuất khẩu quy định tại Điều 3 Thông tư này.

2. Trong trường hợp giá thị trường thế giới hạ thấp, Thương nhân phải tính toán tiết giảm chi phí kinh doanh của mình, không được ép giá mua thóc, gạo của người sản xuất xuống thấp không phù hợp với giá thóc định hướng theo hướng dẫn của cơ quan có thẩm quyền và mặt bằng giá thị trường và phải chấp hành các biện pháp bình ổn giá thóc, gạo ở thị trường trong nước theo quy định tại Nghị định số 109/2010/NĐ-CP ngày 04/11/2010 của Chính phủ về kinh doanh xuất khẩu gạo và các quy định của pháp luật có liên quan về bình ổn giá.

Chương III
TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Hiệp hội Lương thực Việt Nam:

Căn cứ quy định tại Thông tư này và tổng hợp báo cáo kết quả tính toán xác định giá sàn gạo xuất khẩu của Thương nhân xuất khẩu gạo, tính toán giá sàn gạo xuất khẩu theo từng tiêu chuẩn, phẩm cấp gạo bình quân chung của ngành kinh doanh xuất khẩu gạo, công bố giá sàn gạo xuất khẩu ngay từ đầu vụ và phù hợp với từng thời kỳ để làm cơ sở cho các Thương nhân ký kết và đăng ký hợp đồng xuất khẩu gạo. Đồng thời thông báo về Bộ Tài chính, Bộ Công thương giá sàn đã công bố và phải giải trình chi tiết việc tính toán, công bố, thay đổi giá. Định kỳ hàng tuần thông báo giá mua lúa, giá gạo xuất khẩu các loại của các tỉnh có lúa hàng hóa và hàng quý, năm tổng hợp thông báo giá thành gạo xuất khẩu của các doanh nghiệp xuất khẩu về Bộ Tài chính.

2. Các Thương nhân xuất khẩu gạo:

Căn cứ quy định tại Thông tư này các thương nhân có trách nhiệm tính toán xác định giá sàn gạo xuất khẩu của đơn vị mình báo cáo Hiệp hội Lương thực Việt Nam để tổng hợp chung. Định kỳ hàng quý, năm gửi báo cáo giá thành xuất khẩu gạo về Hiệp hội Lương thực Việt Nam để tổng hợp thông báo Bộ Tài chính.

Điều 11. Hiệu lực thi hành

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 8 năm 2011.

Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời về Bộ Tài chính để được hướng dẫn, giải quyết./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Trần Văn Hiếu